

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ THUẬT NGỮ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG KHOA HỌC GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT

Nguyễn Thị Hoàng Yến

*Khoa Tâm lý Giáo dục - ĐHSP Hà Nội*

## 1. Đặt vấn đề

Vấn đề sử dụng thuật ngữ chuyên ngành trong bất kỳ lĩnh vực khoa học nào cũng là một công việc phức tạp. Đặc biệt đối với những ngành khoa học mới, những ngành khoa học xã hội- nhân văn, những ngành khoa học mang nhiều tính chất liên ngành thì vấn đề càng trở nên khó khăn phức tạp hơn nhiều. Khoa học giáo dục đặc biệt ở vào tình trạng này. Trong bối cảnh chung của khoa học giáo dục, giáo dục đặc biệt ra đời khá muộn màng nói chung, và ở Việt nam nói riêng. Vì vậy, giáo dục đặc biệt ở Việt nam hiện nay, có tình trạng sử dụng thuật ngữ trong sự pha tạp giữa những thuật ngữ nhập khẩu từ nước ngoài với những ngôn từ, tên gọi của dân thường. Việc xây dựng một hệ thống thuật ngữ chuyên ngành giáo dục đặc biệt ở Việt nam để có được sự thống nhất trong giới chuyên môn là việc làm cần thiết. Hơn nữa đây cũng là bước khởi đầu trong sự hình thành và phát triển của bất kỳ một ngành khoa học non trẻ nào. Mặc dù hệ thống thuật ngữ khoa học chuyên ngành luôn biến đổi và xuất hiện những thuật ngữ mới cùng với sự phát triển của chuyên ngành khoa học đó, song sự xác định tên gọi, khái niệm và nội dung của những thuật ngữ cơ bản có tính chất nền tảng công cụ là việc phải làm ngay.

## 2. Quan điểm tiếp cận

\* *Giáo dục đặc biệt* là một ngành khoa học nghiên cứu về vấn đề mang tính chất nhân đạo nên có những khía cạnh tế nhị khi được đề cập đến. Vì vậy, các thuật ngữ, khái niệm được sử dụng không những phải đảm bảo được tính chính xác về mặt khoa học mà còn phải thể hiện thái độ của xã hội, của cộng đồng với một bộ phận người lớn và trẻ em có những khó khăn đặc biệt.

\* Giáo dục đặc biệt có mối liên hệ chặt chẽ với một số ngành khác như: Y học tâm lý học, xã hội học, Tin học, Điều khiển học v.v... bởi vậy, đôi khi xảy ra trường hợp cùng tên gọi, cùng khái niệm nhưng lại đề cập đến những nội dung và mặt thái độ khác nhau.

\* Khác với các ngành khoa học giáo dục khác, giáo dục đặc biệt là một khoa học đang trong tiến trình phát triển vô cùng sống động và luôn luôn thay đổi, nảy sinh những kiến thức mới, vì vậy những người làm chuyên môn trong lĩnh vực này đòi hỏi phải có sự sáng tạo và linh hoạt, tránh thái độ cực đoan, bảo thủ.

\* Nghiên cứu những vấn đề liên quan đến người khuyết tật phải chú ý đến mối liên quan đến y tế, văn hoá (bản sắc dân tộc), tôn giáo, kinh tế và đạo đức. Bởi vậy cần thống nhất trong sử dụng thuật ngữ ở mỗi quốc gia và quốc tế chỉ có tính chất tương đối.

**Một số thuật ngữ cơ bản được sử dụng phổ biến trên thế giới trong khoa học giáo dục đặc biệt**

\* Giáo dục đặc biệt (Special education)

Là hệ thống giáo dục nhằm đáp ứng cho trẻ em có những nhu cầu đặc biệt.

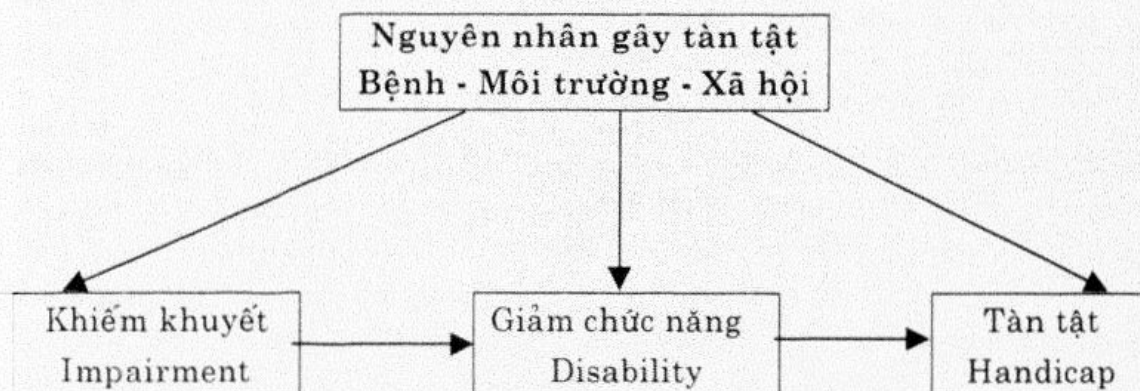
\* Trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt (Children with special education needs)

Là những trẻ em cần được giúp đỡ thêm hoặc trẻ cần những sự giúp đỡ khác nhau so với trẻ bình thường mà giáo viên và nhà trường vẫn làm.

\* Một số thuật ngữ khác nhau để chỉ khái niệm khuyết tật.

Có sự sử dụng thuật ngữ khác nhau giữa y tế và giáo dục.

Theo định nghĩa của tổ chức y tế thế giới-WHO:



\* *Khiếm khuyết (Impairment):*

Là tình trạng mất mát hoặc bất thường về tâm lý, sinh lý, cấu trúc giải phẫu, chức năng.

\* *Giảm chức năng (Disability):*

Là tình trạng thiếu hụt hoặc hạn chế chức năng (do khiếm khuyết) để thực hiện một hoạt động ứng xử hoặc các chức năng mà người bình thường khác cùng giới, cùng giới thực hiện được.

\* *Tàn tật (Handicap):*

Là tình trạng thiệt thòi do khiếm khuyết hoặc giảm chức năng, do sự tác động của người tàn tật và xã hội, hạn chế hoặc ngăn cản người tàn tật thực hiện vai trò của mình, để tồn tại độc lập trong xã hội.

Trong giáo dục, một số thuật ngữ sau thường hay được sử dụng:

*\* Trẻ khuyết tật (Children with disability):*

Để chỉ những trẻ bị khiếm khuyết về thể chất hay tinh thần, cần được giúp đỡ thêm. Cách gọi này bây giờ được mọi người chấp nhận và sử dụng tương đối phổ biến trong giáo dục.

*\* Trẻ tàn tật (Handicapped children)*

Về nội dung thì giống khái niệm trên, nhưng gần đây tên gọi này ít được sử dụng. Những người khuyết tật không thừa nhận cách gọi này, vì đây là tên gọi chỉ gánh nặng mà họ phải chịu đựng so với người bình thường. Tuy nhiên, thuật ngữ này lại được sử dụng trong các văn bản chính thống của nhà nước (ví dụ như Pháp lệnh về người tàn tật).

*\* Trường chuyên biệt (special school).*

Là loại hình trường được thiết lập dành cho những trẻ em không học ở trường chính quy bình thường.

*\* Trường chính quy (Mainstream school, regular school, ordinary school):*

Để chỉ các trường chính quy "bình thường" mà đại đa số trẻ em ở trong khu vực đến học.

*\* Hội nhập (Integration or mainstreaming)*

Khái niệm này được dùng với ý nghĩa là đưa trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt vào trường chính quy bình thường với mục đích giáo dục làm cho trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt càng bình thường càng tốt. Khái niệm này cũng nhấn mạnh tới lợi ích thiết thực, trực tiếp cho trẻ khuyết tật: Đó là lợi ích giáo dục - xã hội mà trẻ khuyết tật thu nhận được từ quá trình bình thường hoá hoặc đồng hoá.

Việc áp dụng nguyên tắc bình thường hoá và tạo điều kiện cho người khuyết tật sống bình thường sẽ mở rộng cơ hội để họ hội nhập vào xã hội. Tới giữa thập kỷ 90 ý tưởng kêu gọi hội nhập đã được các nhà hoạch định chính sách tán thành và được các tổ chức giáo dục chú ý. Phong trào này đưa tới kết quả là hình thành hệ thống: hệ thống giáo dục tại các trường đặc biệt và hệ thống giáo dục chính quy/hội nhập.

3 mức độ hội nhập:

*Hội nhập cơ học:* là một người khuyết tật được hiện diện trong xã hội. Mức hội nhập này có thể thực hiện bằng cách xây dựng trường học ở khu dân cư, mở trường chuyên biệt ở trường chính quy...

*Hội nhập chức năng:* là người khuyết tật có thể hoạt động và được tiếp cận với các phương tiện công cộng của xã hội như: đi mua bán ở cửa hàng, ăn uống trong nhà hàng, sử dụng các phương tiện giao thông công cộng...

**Hội nhập xã hội:** là người khuyết tật có những mối quan hệ xã hội rộng với người sống cùng xóm láng giềng, bạn bè và thầy cô ở trường, ở nơi làm việc và trong cộng đồng địa phương.

*\* Hội nhập cá nhân (Individual integration)*

Là hội nhập một trẻ khuyết tật vào trường chính quy bình thường. Thông thường đứa trẻ này sẽ nhận được sự hỗ trợ của một giáo viên lưu động.

*\* Hội nhập nhóm (Unit provision)*

Là giáo dục cho một nhóm trẻ khuyết tật trong các trường hội nhập. Nhóm trẻ này sẽ nhận được sự hỗ trợ thường xuyên của ít nhất là một giáo viên dạy ở trường chuyên biệt cho trẻ khuyết tật.

*\* Giáo viên lưu động (Peripatetic teacher)*

Là giáo viên được đào tạo chuyên ngành giáo dục đặc biệt, đến hỗ trợ về mặt chuyên môn cho cá nhân trẻ (trong hội nhập cá nhân) hay nhóm trẻ (hội nhập nhóm) khuyết tật trong các trường chính quy bình thường. Giáo viên này thường không làm việc chính thức cho trường nào mà họ làm việc ở các cơ sở giáo dục địa phương để chỉ đến thăm, hỗ trợ cho học sinh khuyết tật ở các trường hội nhập theo định kỳ, theo yêu cầu và tiến trình phát triển của TKT/nhóm trẻ KT.

*\* Biện pháp tổ chức giáo dục hòa nhập:*

Là hệ thống (tổ hợp) các cách thức và phương pháp tác động trực tiếp hoặc gián tiếp nhằm giúp TKT có thể hoà nhập vào trường chính quy bình thường.

*\* Can thiệp sớm (Early intervention):*

Là những sự chỉ dẫn ban đầu và các dịch vụ dành cho trẻ và gia đình trẻ khuyết tật trước tuổi học nhằm can thiệp, kích thích và huy động sự phát triển tối đa ở trẻ, tạo điều kiện chuẩn bị tốt cho trẻ tham gia vào hệ thống giáo dục chính quy và cuộc sống sau này.

*\* Giáo dục hòa nhập (Inclusive education) (hay gọi là khuynh hướng hội nhập hiện đại)*

Đây là thuật ngữ khẳng định một cách mạnh mẽ ưu thế của việc hoà nhập. Điều này có nghĩa là đối với từng đứa trẻ phải chọn cơ sở giáo dục nào đó để có thể thoả mãn ở mức tối đa nhất các nhu cầu cá nhân của trẻ. Thậm chí, theo nội dung của thuật ngữ này thì nên đưa tất cả học sinh khuyết tật vào giáo dục ở các trường bình thường. Quan điểm hoà nhập cho rằng, mọi người dù có khả năng hay không, đều được coi là "bình thường". Quan điểm này cũng khuyến khích "sự khác nhau" giữa con người. Tư duy "hội nhập" trẻ khuyết tật vào trường chính quy bình thường sẽ có ý nghĩa cho học sinh toàn trường cũng như mọi người trong xã hội chứ không chỉ mang lại những lợi ích cho riêng trẻ khuyết tật mà thôi.

Dù là theo hướng giải quyết như thế nào tất cả các trẻ khuyết tật phải được hưởng một nền giáo dục thích hợp trong một môi trường ít hạn chế nhất nhằm mục

dịch dạy cho trẻ các kiến thức văn hoá và kỹ năng cần thiết, tạo cho trẻ cơ hội tốt nhất để sau này lớn lên có thể sống độc lập, có được một vị trí xã hội xứng đáng và được hưởng hạnh phúc.

Trên đây là những khái niệm bài viết này chọn sử dụng làm thuật ngữ cơ bản. Ngoài ra có một số thuật ngữ khác liên quan đến các khái niệm này:

*\* Bình thường hoá*

Bình thường hoá có nghĩa là làm cho cách sống và điều kiện sống của người khuyết tật gần với xã hội. Trong thập kỷ 70, khái niệm bình thường hoá đã được hình thành. Nội dung bình thường hoá dựa vào cơ sở lý luận về cách đối xử và giữ đồ nhằm làm cho cuộc sống của những người khuyết tật giống như cuộc sống của mọi người khác càng nhiều càng tốt.

Nguyên tắc bình thường hoá không biến người khuyết tật trở thành bình thường hay làm cho họ hết khuyết tật, nhưng góp phần làm cho họ xích gần lại với người bình thường, được quan tâm đến mức độ khó khăn do khuyết tật đem lại.

Nguyên tắc vận dụng:

- "càng bình thường càng tốt".
- "đặc biệt khi cần thiết và bình thường khi có thể".

*\* Chấp nhận*

Nếu càng cách ly và tách biệt thì người khuyết tật càng bị xã hội phủ nhận và thành kiến. Hội nhập và bình thường hoá phong cách sống sẽ giúp người khuyết tật có cơ hội xây dựng những mối quan hệ bình thường giữa người với người, đó chính là nền tảng của sự hiểu biết và chấp nhận đối với mọi người trong xã hội.

Việc xây dựng và phát triển một hệ thống thuật ngữ cho một ngành khoa học mới đòi hỏi sự tham gia của nhiều nhà chuyên môn có liên quan đến lĩnh vực này. Đây là những nghiên cứu bước đầu ít nhất để tạo được việc sử dụng thống nhất trong các tài liệu, giáo trình chuyên môn phục vụ cho công tác đào tạo trong nước và nghiên cứu các tài liệu nước ngoài. Hệ thống thuật ngữ này cần được liên tục điều chỉnh và cập nhật với những thông tin mới nhất trên thế giới trong lĩnh vực giáo dục đặc biệt.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cor.J.W. Meijer, sip Jan Pijii & Seamus Hegarthy. *New perspectives in special education: A six-country study of intergration*. London and New York: Routledge, 1994.
- [2] *Intergration for children with disabilities in regular schools in several countries: Korea, Australia, Japan and the United States*. Korea Special Education, 1996.

Wendy Lynas. *Integrating the handicapped into ordinary schools: a study of hearing impaired pupils*. Croom Helm Ltd, Provident House, Brurell Row, 1996.

David R. Shaffer. *Developmental Psychology: Childhood and Adolescence (Second edition)*. Publishing Company-California.

Fran Besisler, Hermine Scheeres & David Pinner. *Communication skills*. Pitman Publishing, 1992.

*Ordinance on the handicapped and related implementation guideline documents*. The National Political Publishing House, 1999.

David Werner. *Community-based-rehabilitation for the handicapped*, (Edited by Dr. Tran Trong Hai). Hanoi Medicine Publishing House, 1992.

Vu Ngoc Binh. *Children's Rights in National and International Law*. The National Political Publishing House, 1995.

Vu Ngoc Binh. *Alternative basic education in Vietnam*. Hanoi Education Publishing House, 1996.

Salamanca. *Statement and Action Program on Special Education*. National Political Publishing House, 1994.

*Convention on the Rights of the child*. The National Political Publishing House, 1988.

JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., t.XVI, N°3, 2000

## SOME ISSUES OF TERMINOLOGY USED IN SCIENCE OF SPECIAL EDUCATION

**Nguyen Thi Hoang Yen**

*Faculty of Psychology Pedagogy  
Teacher's Training College*

Talking about the terminology used by professionals in any areas of work is complicated. In the field of Special Education, a lot of terminology is used and it changes over time. Very small changes in the use of technical language can be significant and sometimes indicate a shift in attitude about something important. Discussing the words professionals use is difficult, even when the matter is being discussed between colleagues who share a mothertongue. This writing is now explore some of the issues in this area using another language - English. This makes things even more interesting and challenging!